

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2020/KDTM-ST**
Ngày: 08-6-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST – KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST – KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N (BIDV)

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35, đường H, quận H, Tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H

Địa chỉ: 737, quốc lộ 14, p. T, tp. Đ, tỉnh Bình Phước

(Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án dân sự số 674b/QĐ-BIDV.BP ngày 28/10/2019)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1983

Cư trú tại: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-12-2019 và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 20/4/2017 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích vay vốn bổ sung vốn kinh doanh thu mua điều. Thời hạn vay 11 tháng từ ngày 20/4/2017 cho đến ngày 20/3/2018. Lãi suất cho vay trong hạn 11%/ năm (áp dụng đến ngày 1/7/2017). Sau đó điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị V có ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/9671810/HĐTD.

Khi vay vốn Ngân hàng, bà Nguyễn Thị V có thể chấp quyền sử dụng đất 44241,6m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số CS 02268 ký ngày 10/4/2017. Việc thế chấp có làm hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2017/9671810/HĐBĐ ngày 20/4/2017 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị V trả lãi đến ngày 21/3/2018 với số tiền 111.180.822đ. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị V không trả số tiền nào khác. Khoản vay của bà Nguyễn Thị V đã quá thời hạn trả nợ, phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị V cũng không thực hiện theo thỏa thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 9 và khoản 2 Điều 9 – sự kiện vi phạm (bản điều khoản và điều kiện vay) đính kèm hợp đồng tín dụng thì bà Nguyễn Thị V đã vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị V phải thanh toán số tiền 1.200.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 9.608.219đ và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng; Trường hợp bà Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền vay 1.200.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của các bên.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm khi bà Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị V (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị V.

[2] Xét: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N khởi kiện bà Nguyễn Thị V yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi. Bà Nguyễn Thị V có giấy phép đăng ký kinh doanh (hộ cá thể) và mục đích vay tiền là để bổ sung vốn kinh doanh thu mua điều. Ngân hàng cung cấp hồ sơ vay vốn để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Nguyễn Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước và trong các tài liệu như giấy đăng ký kinh doanh (hộ cá thể) và hợp đồng tín dụng số 01/2017/9671810/HĐTD lập ngày 20/4/2017 đều ghi nhận địa chỉ cư trú của bà Nguyễn Thị V tại thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt N và bà Nguyễn Thị V được lập ngày 20 tháng 4 năm 2017. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả số tiền vay 1.200.000.000đ:

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N khai nhận Ngân hàng có cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 1.200.000.000đ, vay ngày 20/4/2017, thời hạn vay là 11 tháng. Lời khai của Ngân hàng phù hợp với hợp đồng tín dụng số 01/2017/9671810/HĐTD lập ngày 20/4/2017 và hợp đồng thế chấp tài sản số 183/2017/9671810/HĐBĐ lập ngày 20/4/2017 do Ngân hàng giao nộp hợp pháp cho Tòa án (bút lục số 79, 84). Theo nội dung biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 10 tháng 02 năm 2020 (bút lục số 92) Công an xã cho biết: Bà Nguyễn Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương: Thôn 7, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị V thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Căn cứ vào quy định tại điểm e khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc bà Nguyễn Thị V không có nơi cư trú ổn định được coi là cố tình giấu địa chỉ. Việc bà Nguyễn Thị V vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như

vậy, có đủ cơ sở xác định việc bà Nguyễn Thị V vay tiền của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N là có thật.

Trong Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9671810/HĐTD lập ngày 20/4/2017 có ghi nhận *“Thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho bên vay”*. Như vậy, thời hạn bà Nguyễn Thị V phải trả tiền vay cho Ngân hàng chậm nhất là ngày 20/3/2018. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.”*. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả số tiền vay 1.200.000.000đ là có cơ sở.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn khai nhận bà Nguyễn Thị V đã trả tiền lãi từ ngày vay đến ngày 21/3/2018 với số tiền là 111.180.822đ. Nay bà Nguyễn Thị V còn nợ lại số tiền lãi trong hạn là 120.789.041đ và số tiền lãi quá hạn là 439.939.726đ. Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả hai khoản tiền lãi nói trên. Xét, theo nội dung của Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9671810/HĐTD lập ngày 20/4/2017 thì lãi suất cho vay là 11%/ năm, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và vay có lãi. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận.... Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất”*. Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này”*. Xét, các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi tại hợp đồng tín dụng là không vi phạm điều cấm của pháp luật về giao dịch tín dụng nhằm mục đích kinh doanh. Do đó, có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi của các bên. Do bà Nguyễn Thị V vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên căn cứ vào khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Ngân hàng khai nhận khi ký kết hợp đồng tín dụng thì bà Nguyễn Thị V có thể chấp quyền sử dụng đất 44241,6m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số CS 02268 ký ngày 10/4/2017 để đảm bảo khoản vay của bà Nguyễn Thị V. Việc thế chấp có làm hợp đồng thế chấp tài sản số

183/2017/9671810/HĐBD ngày 20/4/2017 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Phước (bút lục số 74 – 79 và bút lục số 71,72). Căn cứ vào Điều 298, Điều 317 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm gồm: *“Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm khi bà Nguyễn Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: chi phí xem xét, thẩm định tài sản là 3.000.000đ. Tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Do yêu cầu xử lý tài sản của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ. Tại khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ”*. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị V hoàn trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản là 3.000.000đ cho nguyên đơn.

[8] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”* Do đó, bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 299, Điều 320, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N số tiền vay là 1.200.000.000đ, tiền lãi trong hạn 9.608.219đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (ngày 8/6/2020) là 439.939.726đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.649.547.945đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/9671810/HĐTD lập ngày 20/4/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bị đơn bà Nguyễn Thị V thanh toán xong nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản mà bà Nguyễn Thị V đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 183/2017/9671810/HĐBĐ ngày 20/4/2017

Nếu bị đơn bà Nguyễn Thị V không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất 44241,6m² cùng tài sản có trên đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số CS 02268 ký ngày 10/4/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị V để thu hồi nợ.

2/ Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản là 3.000.000đ.

3/ Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 61.486.438đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt N số tiền tạm ứng án phí là 29.400.161đ theo biên lai thu tiền số 0010040 lập ngày 6/2/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh